

Ví dụ 1:

– Trong tháng 6/2025 tại Công ty ABC có phát sinh các nghiệp vụ như sau:

1. Ngày 15/06 thanh lý 1 nhà kho dự trữ hàng hóa (Tính chi phí cho bộ phận quản lý), có nguyên giá 158.400.000đ, thời gian sử dụng 12 năm, đã trích khấu hao 152.000.000 đến ngày 15/6, phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Chi phí thanh lý gồm:

– Lương: 2.000.000đ

– Trích theo lương: 380.000đ

– Công cụ dụng cụ: 420.000đ

– Tiền mặt: 600.000đ

Thu nhập thanh lý bán phế liệu thu ngay bằng tiền mặt 1.800.000đ.

2. Ngày 25/06 bán thiết bị đang sử dụng ở bộ phận bán hàng có nguyên giá 24.000.000đ, đã hao mòn lũy kế 6.000.000đ đến ngày 25/6, thời gian sử dụng 2 năm. Chi phí tân trang trước khi bán 500.000đ trả bằng tiền mặt. Giá bán chưa thuế 5.800.000đ, thuế GTGT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

3. Ngày 26/06 chuyển khoản mua 1 xe hơi sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp có giá chưa thuế 296.000.000đ chưa VAT, thuế GTGT 10%, thời gian sử dụng 5 năm. Lệ phí trước bạ 1.000.000đ thanh toán bằng tiền tạm ứng. Tiền môi giới 3.000.000đ trả bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

– Xác định mức khấu hao TSCĐ trong tháng 6 và định khoản nghiệp vụ trích khấu hao.

– Công ty trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

>> Gợi ý lời giải:

1. Định khoản nghiệp vụ ngày 15/06:

Tính chi phí khấu hao của tài sản cố định trong tháng 6:

– Mức khấu hao trích hàng tháng của nhà kho : $158.400.000 / (12 \times 12) = 1.100.000$ đ

– Mức khấu hao của tháng 6 (01/06 – 15/06) = $(1.100.000 / 30) \times 14 = 513.333,333$ đ

Ghi nhận chi phí khấu hao của tài sản cố định trong tháng 6 (tính đến 15/06 – 14 ngày)

Nợ TK 642: 513.333,33

Có TK 2141: 513.333,33

Bút toán xóa sổ tài sản cố định:

Nợ TK 2141: 152.000.000

Nợ TK 811: 6.400.000

Có TK 2111: 158.400.000

Hạch toán chi phí thanh lý:

Nợ TK 811: 3.400.000

Có TK 334: 2.000.000

Có TK 338: 380.000

Có TK 153: 420.000

Có TK 111: 600.000

Hạch toán thu nhập từ thanh lý tài sản cố định:

Nợ TK 1111: 1.800.000

Có TK 711: 1.800.000

2. Ngày 25/06:

Mức khấu hao trích hàng tháng của thiết bị = $24.000.000 / (2 \times 12) = 1.000.000$

Mức khấu hao của 24 ngày sử dụng (01/06 – 25/06) = $(1.000.000 / 30) \times 24 = 800.000đ$

Ghi nhận chi phí khấu hao của tài sản cố định trong tháng 6:

Nợ TK 641: 513.333,33

Có TK 2141: 513.333,33

Xóa sổ tài sản cố định:

Nợ TK 2141: 6.000.000

Nợ TK 811: 18.000.000

Có TK 2114: 24.000.000

Chi phí tân trang trước khi thanh lý:

Nợ TK 811: 500.000

Có TK 1111: 500.000

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định:

Nợ TK 1111: 6.380.000

Có TK 711: 5.800.000

Có TK 33311: 580.000

3. Ngày 26/06:

Ghi nhận mua tài sản cố định (do chưa đưa vào sử dụng nên sẽ được ghi nhận vào TK 241 – Xây dựng cơ bản dở dang)

Nợ TK 2411: 296.000.000

Nợ TK 1332: 29.600.000

Có TK 1121: 325.600.000

Ghi nhận lệ phí trước bạ:

Nợ TK 2411: 1.000.000

Có TK 3339: 1.000.000

Thanh toán lệ phí trước bạ:

Nợ TK 3339: 1.000.000

Có TK 141: 1.000.000

Ghi nhận tiền môi giới:

Nợ TK 2411: 3.000.000

Có TK 111: 3.000.000

Tổng nguyên giá của chiếc xe hơi = $296.000.000 + 1.000.000 + 3.000.000 = 300.000.000đ$

Sau đó kết chuyển từ mua sắm tài sản cố định sang tài sản cố định hình thành trong kỳ (vì đã sẵn sàng sử dụng) vào ngày 26/06:

Nợ 2113: 300.000.000

Có 2411: 300.000.000

Mức khấu hao trích hàng tháng của xe hơi = $300.000.000 / (5 \times 12) = 5.000.000 đ$

Mức khấu hao của 5 ngày sử dụng (26/06 – 30/06) = $5.000.000 / (30 \times 5) = 833.330 đ$

Nợ TK 642: 833.330

Có TK 2141: 833.330

Ví dụ 2:

– Trong tháng 8/2025 Công ty ABC có phát sinh các vấn đề liên quan đến TSCĐ như sau:

1. Ngày 05/08 mua 1 TSCĐ sử dụng ở bộ phận sản xuất, theo HĐ GTGT giá mua 180.000.000đ, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán.

– Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt: 1.100.000đ (gồm thuế GTGT 10%).

2. Ngày 15/08 mua 1 TSCĐ sử dụng ở bộ phận bán hàng, theo HĐ GTGT có giá mua 150.000.000đ, thuế GTGT 10%, tiền chưa thanh toán.

– Chi phí lắp đặt phải trả là: 2.200.000đ (trong đó thuế GTGT 200.000đ).

3. Ngày 22/08 mua 1 TS (Máy tính xách tay) sử dụng cho bộ phận quản lý, theo HĐ GTGT có giá mua là 20.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

– Chi phí vận chuyển chi bằng tiền mặt: 220.000đ (trong đó thuế GTGT 20.000đ). Thời gian phân bổ là 3 năm.

4. Ngày 26/08 Công ty đi vay dài hạn để mua 1 TSCĐ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp, theo HĐ GTGT có giá mua là 150.000.000đ, thuế GTGT 10%, thanh toán qua chuyển khoản. Lệ phí trước bạ chi bằng tiền mặt: 1.500.000đ.

Yêu cầu:

- Thực hiện bút toán liên quan các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.
- Hãy xác định các chứng từ kế toán sử dụng làm căn cứ ghi nhận các nghiệp vụ trên.

>> Gợi ý lời giải:

1. Ngày 05/08:

Ghi nhận giá mua:

Nợ TK 2411: 180.000.000đ

Nợ TK 1332: 18.000.000đ

Có TK 331: 198.000.000đ

Chi phí vận chuyển:

Nợ TK 2411: 1.000.000đ

Nợ TK 1332: 100.000đ

Có TK 111: 1.100.000đ

Sau đó hoàn thành thì kết chuyển từ 2411 sang 211

Nợ 211: 181.000.000

Có 2411: 181.000.000

2. Ngày 15/08:

Nợ TK 2411: 150.000.000đ

Nợ TK 1332: 15.000.000đ

Có TK 331: 165.000.000đ

Nợ TK 2411: 2.000.000

Nợ TK 133: 200.000

Có TK 111: 2.200.000

Sau đó hoàn thành thì kết chuyển từ 2411 sang 211

Nợ 211: 152.000.000

Có 2411: 152.000.000

3. Ngày 22/08:

Chú ý: Kể từ ngày 10/06/2013 theo điều 3 Thông tư Số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính: Thì những tài sản có giá trị từ 30.000.000 trở lên thì mới là TSCĐ.

=> Những TS có giá trị < 30 tr là Công cụ dụng cụ. Như vậy trong trường hợp này các bạn hạch toán như sau;

Nợ TK 2411 : 20.000.000

Nợ TK 1331: 200.000

Có TK 1121: 22.000.000

Nợ TK 2411: 200.000

Nợ TK 1331: 200.000

Có TK 1111: 2.200.000

Sau đó hoàn thành thì kết chuyển từ 2411 sang 2422

Nợ 2422: 20.200.000

Có 2411: 20.200.000

Trong bài tập này các bạn chú ý 1 điểm nữa nhé: Những hóa đơn > 20 tr phải thanh toán qua tài khoản ngân hàng thì mới được coi là chi phí hợp lý và được khấu trừ thuế GTGT.

Khi phân bổ khấu hao:

Nợ TK 642 / Có TK 242

4. Ngày 26/08

Ghi nhận mua tài sản cố định:

Nợ TK 2411: 150.000.000

Nợ TK 1332: 15.000.000

Có TK 331: 165.000.000

Thanh toán mua tài sản cố định từ đi vay:

Nợ TK 331: 165.000.000

Có TK 341: 165.000.000

Ghi nhận lệ phí trước bạ:

Nợ TK 2411: 1.500.000

Có TK 3339: 1.500.000

Thanh toán lệ phí trước bạ bằng tiền mặt:

Nợ TK 3339: 1.500.000

Có TK 111: 1.500.000

Sau đó hoàn thành thì kết chuyển từ 2411 sang 211

Nợ 211: 151.500.000

Có 2411: 151.500.000

Ví dụ 3:

– Trong tháng 8/2026 Công ty TNHH Hải Nam có các tài liệu sau:

Số dư đầu tháng : TK 2412: 256.000.000đ (xây dựng nhà kho A).

1. Ngày 16/08 xuất kho vật liệu 50.000.000đ và công cụ dụng cụ 5.000.000đ đưa vào xây dựng nhà kho A.

2. Ngày 18/08 chi tiền mặt để xây dựng nhà kho A: 10.000.000đ.

3. Ngày 22/08 cuối tháng quá trình xây dựng nhà kho A hoàn thành, chi phí xây dựng phải trả cho công ty K là 66.000.000đ (trong đó thuế GTGT 6.000.000đ), TSCĐ được bàn giao đưa vào sử dụng, giá quyết toán được duyệt bằng 95% chi phí thực tế, 5% vượt mức không tính vào nguyên giá (do doanh nghiệp chịu tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ).

4. Ngày 26/08 chuyển khoản thanh toán tiền mua phần mềm máy tính về quản trị sản xuất là 80.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nói trên.

>> Gợi ý lời giải:

1. Ngày 16/08

Nợ TK 2412: 55.000.000

Có TK 152: 50.000.000

Có TK 153: 5.000.000

2. Ngày 18/08

Nợ TK 2412: 10.000.000

Có TK 111: 10.000.000

3. Ngày 22/08

Chi phí xây dựng phải trả cho K:

Nợ TK 2412: 60.000.000

Nợ TK 133: 6.000.000

Có TK 331: 66.000.000

Nhà kho hoàn thành:

Nợ TK 211: $361.950.000 = 381.000.000 \times 95\%$

Nợ TK 632: $19.050.000 = 381.000.000 \times 5\%$

Có TK 2412: $381.000.000 = 256.000.000 + 55.000.000 + 10.000.000 + 60.000.000$

4. Ngày 26/08

Nợ TK 2135: 80.000.000

Có TK 1121: 80.000.000

Ví dụ 4:

– Trong tháng 12/2014 Công ty A có tình hình về TSCĐ như sau:

Số dư đầu tháng: TK 335: 40.000.000đ (trích CP sửa chữa lớn TSCĐ X ở phân xưởng SX)

TK 2413: 10.000.000đ (CP sửa chữa lớn TSCĐ X)

1. Xuất công cụ (loại phân bổ 1 lần) để sửa chữa nhỏ TSCĐ ở phân xưởng sản xuất 400.000đ

2. Sửa chữa lớn TSCĐ X, chi phí sửa chữa bao gồm:

- Xuất phụ tùng thay thế: 14.000.000đ
- Tiền mặt: 200.000đ
- Tiền công thuê ngoài phải trả chưa thuế: 15.000.000đ (thuế GTGT 10%)

TSCĐ X đã sửa chữa xong, bàn giao và đưa vào sử dụng. Kế toán xử lý khoản chênh lệch giữa chi phí trích trước và chi phí thực tế phát sinh theo đúng quy định.

3. Sửa chữa đột xuất 1 TSCĐ Y đang sử dụng ở bộ phận bán hàng, chi phí sửa chữa bao gồm:

- Mua ngoài chưa trả tiền một số chi tiết để thay thế giá chưa thuế 8.000.000đ, thuế GTGT 10%.
- Tiền công thuê ngoài phải trả chưa thuế 1.600.000đ, thuế GTGT 10%.
- Công việc sửa chữa đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa được phân bổ làm 4 tháng, bắt đầu từ tháng này.

4. Sửa chữa nâng cấp văn phòng công ty, số tiền phải trả cho người nhận thầu 66.000.000đ, trong đó thuế GTGT 6.000.000đ. Cuối tháng công việc sửa chữa đã xong, kết chuyển chi phí làm tăng nguyên giá TSCĐ.

5. Ngày 31/12, kiểm kê phát hiện thiếu một tài sản cố định hữu hình, nguyên giá 18.000.000đ, đã hao mòn 3.000.000đ, chưa rõ nguyên nhân.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên. Giả sử chấp nhận tài sản cố định là có nguyên giá từ 10 triệu trở lên để cho các bạn làm bài, tôi không muốn sửa lại đề bài. Mặc dù hiện tại tài sản cố định có nguyên giá từ 30 triệu trở lên

>> Gợi ý lời giải:

Xuất CCDC sửa chữa nhỏ:

Nợ TK 627: 400.000

Có TK 153: 400.000

Chi phí sửa chữa lớn:

– Phụ tùng:

Nợ TK 2413: 14.000.000

Có TK 152: 14.000.000

– Tiền mặt:

Nợ TK 2413: 200.000

Có TK 111: 200.000

– Tiền thuê nhân công:

Nợ TK 2413: 15.000.000

Nợ TK 133: 1.500.000

Có TK 331: 16.500.000

– Ghi nhận chi phí sửa chữa thực tế (làm giảm chi phí trích trước):

Nợ TK 335: 39.200.000

Có TK 2413: $39.200.000 = 14.000.000 + 200.000 + 15.000.000 + 10.000.000$ (số dư đầu tháng TK 2413 – CP sửa chữa lớn TSCĐ X)

– Chênh lệch chi phí trích trước và chi phí thực tế phát sinh:

Nợ TK 335: $800.000 = 40.000.000 - 39.200.000$

Có TK 627: 800.000

3.

Nợ TK 2413: 8.000.000

Nợ TK 133: 800.000

Có TK 331: 8.800.000

Nợ TK 2413: 1.600.000

Nợ TK 133: 160.000

Có TK 331: 1.760.000

Nợ TK 2421: 9.600.000

Có TK 2413: $9.600.000 = 8.000.000 + 1.600.000$

Nợ TK 641: 2.400.000

Có TK 2421: $2.400.000 = 9.600.000 / 4$

4.

Nợ TK 2413: 60.000.000

Nợ TK 1332: 6.000.000

Có TK 331: 66.000.000

Nợ TK 2111: 60.000.000

Có TK 2413: 60.000.000

5.

Nợ TK 1381: 15.000.000

Nợ TK 2141: 3.000.000

Có TK 211: 18.000.000